TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH THÁI BÌNH	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 48/2020/HSPT	
Ngày 09-9-2020	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến.

Các thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hà

Ông Vũ Duy Luân

- Th ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Th ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2020/HSPT ngày 24 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị M và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 47/2020/HSST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình.

*- Bị cáo có kháng cáo**:***

1. **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Thôn V X Đ, xã Th X, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đ R và bà Đầu Thị (đều đã chết); bị cáo không có chồng con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt tại phiên tòa.

2. **Hà Ngọc Đ**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn V X Đ, xã Th X, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Viết H và bà Hoàng Thị H (đều đã chết); vợ bị cáo là Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 , bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2020, tạm giam từ ngày 06/02/2020 đến nay. Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

3. **Lê Bá H**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn X B, xã Th X, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân H (đã

chết) và bà Nguyễn Thị Ng; vợ bị cáo là Đỗ Thị H, sinh năm 1989, bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019; tiền sự: không; tiền án: Bản án 108/2016/HSPT ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng tính từ ngày 20/02/2016 về tội "Cố ý gây Thơng tích". Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2020, tạm giam từ ngày 20/02/2020 đến nay. Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

4. **Vũ Năng D**, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Thôn V X Đ, xã Th X, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Năng X (đã chết) và bà Nguyễn Thị G; vợ bị cáo là Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2020 đến 06/02/2020 được thay đổi biện pháp ngắn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Đức V (tên gọi khác là Kh)**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn V X Đ, xã Th X, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức M và bà Nguyễn Thị Nh; vợ bị cáo là Đinh Thị L, sinh năm 1981, bị cáo có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. **Nguyễn Văn D1**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn V X N, xã Th X, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Vă V và bà Nguyễn Thị L; bị cáo chưa có vợ con; Nhân thân: Ngày 19/01/2016, bị Tòa án nhân dân quận Đ Đ, thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", miễn trách nhiệm hình sự. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2020 đến ngày 06/02/2020 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

7. **Lê Bá T**, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn X B, xã Th X, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh Đ và bà Đỗ Thị S; vợ bị cáo là Nguyễn Thị Â (đã ly hôn), bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; Nhân thân: Ngày 14/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Th Th, tỉnh Thái Bình xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cố ý gây thương tích"; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2020, chuyển tạm giam ngày 06/02/2020 đến ngày 29/4/2020 được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo, người làm chứng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 15h30 phút ngày 30/01/2020, Hà Ngọc Đ đến nhà Nguyễn Thị M ở thôn V X Đ, xã Th X hỏi nhờ nhà bị cáo M để đánh bạc thì bị cáo M bỏ đi chơi để mặc Đ ở nhà mình. Sau đó, Th, T, D1 và V đến nhà M rủ nhau đánh bài xóc đĩa thắng thua bằng tiền, phân định thắng thua bằng cách xác định chẵn, lẻ, mức đặt cửa thấp nhất là 10.000đ cao nhất là 1.500.000đ. Đ lấy dụng cụ gồm: Bát, đĩa và 4 quân vị có sẵn mang xuống chiếu chơi. Đ là người cầm cái, Th, T, D1, V, L , T A tham gia đánh bạc, sau đó những người khác đến tham gia đánh bạc gồm: H, Th1, L, Tr, Th2, Đ1, Th2, Nh1. Trong khi M người đang đánh bạc thì bị cáo M về và yêu cầu M người không được đánh bạc nữa, nhưng khi có người đưa cho bị cáo M 150.000đ thì bị cáo M cầm và lại đi chơi để mặc M người tiếp tục đánh bạc tại nhà mình. Đ cầm cái từ đầu đến 18 giờ cùng ngày thì H cầm cái thay đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày Công an huyện Th Th bắt quả tang các bị cáo đang đánh bạc, lập biên bản phạm tội quả tang đối với Đ, D1, D, Thành, T, Đông, Th, Th1, Tr , L, Th2, riêng T A, H bỏ trốn, sau đó cả 2 ra đầu thú. Số tiền đánh bạc bị công an bắt quả tang trên chiếu bạc là 5.700.000đ. Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận sử dụng tiền tham gia đánh bạc cụ thể như sau: V 1.500.000đ, Đ 1.000.000đ, H 1.000.000đ, D 1.000.000đ, T 800.000đ, Đ1 600.000đ, Th2 500.000đ, T A 500.000đ, Th1 300.000đ, Tr 200.000đ, Th 180.000đ, L 150.000đ, Th2100.000đ. Riêng D tham gia đánh bạc 3900.000đ và đều là tiền mượn của V trong đó có 3.000.000đ V cho D mượn tại nơi đánh bạc, Nh1 và N góp chung tiền để đánh bạc (Nh1 200.000đ, N1 100.000đ). Cơ quan Công an đã thu giữ toàn bộ số tiền này và một số vật chứng khác của vụ án. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 6.700.000đ.

Bản án hình sự sơ thẩm số 47/2020/HSST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân Hện Th Th, tỉnh Thái Bình quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội "Gá bạc"; Các bị cáo Hà Ngọc Đ, Lê Bá H, Vũ Năng D, Nguyễn Đức V (tức Kh), Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn Th2, Lâm TA, Lê Bá T, Nguyễn Viết Đ, Lê Thị Th, Đỗ Hữu Th1, Nguyễn Thị Nh1, Nguyễn Đức Tr, Hà Thị L, Nguyễn Viết Th2 phạm tội "Đánh bạc"

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 01 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Ngọc Đ, Nguyễn Đức V; xử phạt bị cáo Hà Ngọc Đ 01 năm tù thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2020, xử phạt

bị cáo Nguyễn Đức V (tên gọi khác: Kh) 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, khoản 5 Điều 65, Điều 56, Điều 55 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Bá H 01 năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 năm 03 tháng tù của bản án số 108/2016/HSPT ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh, buộc bị cáo Lê Bá H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự , xử phạt bị cáo Vũ Năng D 10 tháng tù được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/01/2020 đến ngày 06/02/2020, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án phạt tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 tháng tù được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/01/2020 đến ngày 06/02/2020, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án phạt tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Bá T 07 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2020 đến ngày 29/04/2020, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án phạt tù.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với các Nguyễn Văn Th2, Lâm T A, Nguyễn Viết Đ, Lê Thị Th, Đỗ Hữu Th1, Nguyễn Thị Nh1, Nguyễn Đức Tr, Hà Thị L, Nguyễn Viết Th; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị M, Hà Ngọc Đ, Lê Bá H, Vũ Năng D, Nguyễn Đức V, Nguyễn Văn D, Lê Bá T kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị M xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo;

Bị cáo Hà Ngọc Đ xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Lê Bá H đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án.

Các bị cáo Vũ Năng D, Nguyễn Đức V kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo

Bị cáo Nguyễn Văn D1, Lê Bá T xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Lê Bá H thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo khác vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo. Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như án sơ thẩm đã mô tả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị

cáo kháng cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như nội dung kháng cáo của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Ngọc Đ, Lê Bá H, Lê Bá T, Nguyễn Văn D1; áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị M, Vũ Năng D, Nguyễn Đức V theo hướng giữ nguyên mức hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị M, Hà Ngọc Đ, Lê Bá H, Vũ Năng D, Nguyễn Đức V, Nguyễn Văn D1, Lê Bá T thấy: Lời khai nhận tội của bị cáo M, Đ, H, D, V, D1, T phù hợp với lời khai của các bị cáo khác và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 30/01/2020, bị cáo Nguyễn Thị M để mặc cho 15 bị cáo khác mượn nhà mình để đánh bạc và nhận số tiền 150.000 đồng. Các bị cáo Hà Ngọc Đ cùng các bị cáo Lê Bá H, Vũ Năng D, Nguyễn Đức V, Nguyễn Văn D1, Lê Bá T và các bị cáo khác tham gia đánh bạc nhà bị cáo M, bị cáo Đ chuẩn bị dụng cụ đánh bạc và cầm cái từ khi bắt đầu đánh bạc đến 18 giờ cùng ngày, bị cáo Lê Bá H cầm cái từ 18 giờ cùng ngày cho đến khi bị Công an bắt quả tang. Hình thức đánh bạc là xóc đĩa, được thua bằng tiền, phân định thắng thua bằng cách xác định "chẵn", "lẻ", số tiền thu trên chiếu bạc là 5.700.000 đồng, số tiền các bị cáo khai dùng để đánh bạc cụ thể là: V 1.500.000đồng, Đ 1.000.000đồng, H 1.000.000 đồng D1 1.000.000 đồng, T 800.000 đồng. Riêng D tham gia đánh bạc 3.900.000 đồng và đều là tiền mượn của V trong đó có 3.000.000 đồng V cho D mượn tại nơi đánh bạc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị M về tội "Gá bạc" theo điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Hà Ngọc Đ, Lê Bá H, Vũ Năng D, Nguyễn Đức V, Nguyễn Văn D1, Lê Bá T phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm ch o xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự an ninh tại địa phương mà còn là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như: mất hết tài sản, tan vỡ hạnh phúc gia đình và là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo Hà Ngọc Đ, Lê Bá H, Vũ Năng D, Nguyễn Đức V,

Nguyễn Văn D1, Lê Bá T phạm tội đồng phạm giản đơn, không có sự phân hóa rõ rệt về vai trò, án sơ thẩm đã căn cứ vào số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc để phân hóa vai trò của các bị cáo là phù hợp, tuy nhiên đối với bị cáo Đ và bị cáo H đều tham gia cầm cái nên cần xác định vai trò ngang nhau.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

- Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị M, HĐXX thấy: bị cáo Nguyễn Thị M để cho 15 người đánh bạc tại nhà ở của mình, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, có thời gian tham gia quân đội và có bố là người có công với cách mạng để xử phạt 01 năm tù là khởi điểm của khung hình phạt là có căn cứ và đúng pháp luật, không có cơ sở để giảm hình phạt cho bị cáo. Xét kháng cáo xin hưởng án treo thấy: bị cáo không có ý thức cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình để thu tiền hồ, các bị cáo khác tự ý đánh bạc tại nhà bị cáo M khi bị cáo không có nhà, bị cáo M về thấy có việc đánh bạc đã đuổi đi nhưng khi được các bị cáo khác đưa tiền thì bị cáo lại đồng ý để họ tiếp tục đánh bạc tại nhà mình, số tiền bị cáo thu hồ 150.000đ là không lớn, bản thân bị cáo là hộ nghèo, là người cao tuổi, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị cáo M, cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

- Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Hà Ngọc Đ, Lê Bá H thấy: cả hai bị cáo đều là người cầm cái nên đánh giá vai trò ngang nhau nhưng bị cáo H phải chịu một tình tiết tăng nặng là "tái phạm" do đó mức hình phạt cao hơn bị cáo Đ, án sơ thẩm xử phạt hai bị cáo mỗi bị cáo 01 năm tù là chưa công bằng. Trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo Đ, bị cáo H đã nộp số tiền phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đối với các bị cáo (bị cáo Đ nộp 10.200.000đ, bị cáo H nộp 5.200.000đ) nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó, cần xem xét giảm hình cho bị cáo Đ một phần hình phạt là phù hợp, đối với bị cáo H mức hình phạt 01 năm tù là tương xứng nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

- Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Vũ Năng D, Nguyễn Đức V thấy: Bị cáo Vũ Năng D và Nguyễn Đức V được xác định có vai trò ngang nhau, án sơ thẩm đã đánh giá tính chất vụ án, vai trò của từng bị cáo xử phạt mỗi bị cáo 10 tháng tù là có căn cứ. Tuy nhiên, việc buộc các bị cáo cách ly xã hội là có phần nghiêm khắc vì hai bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trước khi xét xử phúc thẩm hai bị cáo đã nộp số tiền phạt mà bản án sơ thẩm đã quyết định, điều này thể hiện sự ăn năn của các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét thấy

các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, có nơi cư trú rõ ràng nên HĐXX thấy việc cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội là không cần thiết, có thể cho các bị cáo hưởng án treo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật từ đó rèn luyện và tu dưỡng bản thân trở thành người có ích cho xã hội.

- Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn D1 và bị cáo Lê Bá T xin hưởng án treo nhưng HĐXX xét thấy bị cáo D và bị cáo T có nhân thân xấu. Các bị cáo đã từng bị Tòa án kết án về tội danh khác nhưng không chịu rèn luyện, tu dưỡng bản thân để trở thành người có ích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội là thể hiện sự coi thường pháp luật nên việc cách ly các bị cáo ra khởi đời sống xã hội là cần thiết và mới có tác dụng răn đe, cải tạo các bị cáo. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo H, D1, T không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bị cáo M, bị cáo Đ, bị cáo D và bị cáo V được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 356; điểm c, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Bá H, Lê Bá T, Nguyễn Văn D1; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị M, Hà Ngọc Đ, Vũ Năng D, Nguyễn Đức V. Sửa bản án sơ thẩm số 47/2020/HSST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân Hện Th Th, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

1.1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội Gá bạc; các bị cáo Lê Bá H, Hà Ngọc Đ, Lê Bá T, Vũ Năng D, Nguyễn Đức V (tên gọi khác là Kh), Nguyễn V D1 phạm tội Đánh bạc.

1.2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Hà Ngọc Đ 10 (mười) tháng tù,thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38; khoản 5 Điều 65; Điều 56, Điều 55 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Bá H 01 (một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù của bản án số 108/2016/HSPT ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, buộc bị cáo Lê Bá H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức V 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/01/2020 đến ngày 06/02/2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Vũ Năng D 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D1 09 (chín) tháng tù; được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 31/01/2020 đến ngày 06/02/2020, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Bá T 07 (bảy) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2020 đến ngày 29/4/2020, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

1.3. Giao các bị cáo Nguyễn Thị M, Vũ Năng D, Nguyễn Đức V cho UBND xã Th X, huyện Th Th, tỉnh Thái Bình giám sát trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng điểm g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Bá H, Lê Bá T, Nguyễn Văn D1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Thị M, Hà Ngọc Đ, Vũ Năng D, Nguyễn Đức V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 09/9/2020./

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *TAND, VKSND, CA, THA h.Th Th;*
- *UBND xã Th X, h, Th Th;*
- *Bị cáo kháng cáo;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.
(đã ký)

Lương Hải Yến